

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 23-3-2020.

V/v tranh chấp HNGĐ.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang;

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Quỳnh Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/01/2020 về “Yêu cầu không công nhận là vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1977
2. *Bị đơn:* Ông Đặng Ngọc H, sinh năm 1969

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Thôn Đ, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*) Tại đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình, thì nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày và có yêu cầu cụ thể như sau:

Bà và ông Đặng Ngọc H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 và có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Trong quá trình chung sống bà và ông H đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhưng vì các con còn nhỏ nên lại đoàn tụ. Tuy nhiên, đến tháng 4/2019 mâu thuẫn lại xảy ra và trầm trọng hơn trước, nhiều lần xảy ra xô xát, chửi bới dẫn đến cuộc sống chung ngày càng căng thẳng nên bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2019, bà và ông H cũng ly thân, không chung sống với nhau từ đó cho đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông H hay ghen tuông vô cớ, không tôn trọng bà. Tháng 11/2019, do mâu thuẫn trong nội bộ gia đình nên bà đã bị ông H đánh gãy tay phải đi điều trị tại bệnh viện Đa khoa thành phố T. Nay bà xác định tình cảm với ông H không còn, không thể đoàn tụ được nên bà đề nghị Tòa án xử không công nhận bà và ông H là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông H có 02 con chung là Đặng Xuân M, sinh ngày 24/7/1993, con đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đề nghị Tòa án giải quyết và Đặng Thị Thùy V, sinh ngày 08/8/2002, hiện đang học lớp 12 và đang ở cùng bà, bà đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con. Bà là công nhân tại Công ty G, thu nhập bình quân 5.000.000đ/tháng, bà có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự phân chia tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, không có tài sản cho người khác vay nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

*) Bị đơn là ông Đặng Ngọc H trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993 và có tổ chức lễ cưới theo truyền thống nhưng không đăng ký kết hôn theo quy

định của pháp luật. Trong quá trình chung sống ông và bà T có 02 lần xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau do va chạm trong cuộc sống hàng ngày. Bà T đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ ngày 10/3/2019, đến ngày 10/5/2019 thì quay về, ngày 08/8/2019 ông và bà T lại xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, bà T lại bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay, ông và bà T ly thân từ đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bà T đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng thì ông không đồng ý vì bây giờ hai người cũng cao tuổi rồi, có cháu nội rồi nên ông muốn đoàn tụ, cùng xây dựng cuộc sống và nuôi dạy con cháu. Ông thừa nhận có đuổi bà T đi nhưng không đánh bà T như bà T trình bày, còn vì sao bà T gãy tay thì ông không biết. Từ khi bà T về nhà mẹ đẻ sinh sống ông cũng không đến để tìm bà T về vì bà T tự đi thì tự về.

- Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Đặng Xuân M, sinh ngày 24/7/1993 và Đặng Thị Thùy V, sinh ngày 08/8/2002. Từ ngày ly thân nhau, con V ở cùng bà T, con M ở cùng ông. Do không đồng ý với yêu cầu không công nhận là vợ chồng của bà T nên ông không đồng ý việc phân chia người trực tiếp nuôi dưỡng con V của bà T. Hiện nay bà T là công nhân may mặc, ông không nhớ tên Công ty và cũng không biết thu nhập của bà T như thế nào.

- Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, không nợ ai tài sản gì, cũng không có tài sản cho người khác vay.

*) Đại diện chính quyền địa phương nơi các đương sự đang cư trú cung cấp thông tin như sau:

Từ năm 2000 trở về trước, Ủy ban nhân dân xã V, thành phố T không có sổ lưu trữ việc kết hôn giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Ngọc H nên chính quyền địa phương không kết luận được bà T và ông H có kết hôn theo quy định của pháp luật hay không. Từ năm 2000 đến nay, bà T và ông H không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Việc bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà T và ông H là vợ chồng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà T và ông H đã chung sống với nhau nhiều năm nay, trong quá trình chung sống, bà T và ông H có thể xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức chính quyền địa phương phải can thiệp. Khoảng tháng 12/2019, trong nội bộ gia đình bà T và ông H xảy ra xô xát, bà T bị ông H đánh gãy tay, chính quyền địa phương phải can thiệp. Lúc đó bà T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống được một thời gian, hiện nay bà T vẫn đang sinh sống tại đó.

Bà T và ông H có 02 con chung như hai người đã trình bày, việc ai là người trực tiếp nuôi dưỡng con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung của bà T và ông H thì địa phương không nắm được, hai người không nợ gì đối với các tổ chức, đoàn thể tại địa phương.

*) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến tại phiên tòa giải quyết vụ án dân sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các điều 147; 203; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; điều 15; điều 53; các điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; điều 26; điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

- Xử không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Ngọc H là vợ chồng.

- Về con chung: Xử giao con Đặng Thị Thùy V, sinh ngày 08/8/2002 cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết về tài sản.

- Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Ngọc H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo truyền thống vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, bà T và ông H phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau, xô xát. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung ngày càng căng thẳng nên bà T đã về nhà mẹ đẻ sinh sống, hai người đã ly thân nhau từ tháng 8/2019 đến nay, mỗi người sống một nơi, không còn quan tâm đến nhau nữa. Do bà T và ông H sống với nhau như vợ chồng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà T đề nghị không công nhận bà và ông H là vợ chồng. Vì vậy, áp dụng khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Đặng Ngọc H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Bà T và ông H có 02 con chung là Đặng Xuân M, sinh ngày 24/7/1993 và Đặng Thị Thùy V, sinh ngày 08/8/2002, hiện đang học lớp 12 và đang ở cùng bà T. Xét thấy con Đặng Xuân M đã trên 18 tuổi, không bị mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng lao động nên không đặt ra giải quyết. Bà T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Thị Thùy V, không yêu cầu ông H cấp dưỡng cho con, bà T đã xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con. Xét yêu cầu này của bà T là chính đáng, phù hợp quy định tại các điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp nguyện vọng của con nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ tài sản: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Bà T phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Căn cứ nhận xét trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều 147; 203; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; các điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử không công nhận bà Nguyễn Thị Tu và ông Đặng Ngọc H là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao cho bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con Đặng Thị Thùy V, sinh ngày 08/8/2002, bà T không yêu cầu ông Hiền cấp dưỡng nuôi con.

Bà T và ông H có quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu mức cấp dưỡng cho con khi cần thiết.

3. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0009701 ngày 10/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T thành án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự ; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 23/3/2020.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã V, TP.T;
- Chi cục THADS TP.T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hồng Thái